

Xây dựng hợp tác

Sự khởi đầu cho các hợp tác nghiên cứu với sự tham gia của những chuyên viên Âm ngữ trị liệu đầu tiên của Việt Nam

Marie Atherton, Bronwyn Davidson, and Lindy McAllister

TỪ KHÓA

HỢP TÁC

THAM GIA
HÀNH ĐỘNG
NGHIÊN CỨU

ÂM NGỮ TRỊ
LIEU

VIỆT NAM

BÀI BÁO ĐƯỢC
ĐỒNG BIÊN TẬP
BỞI

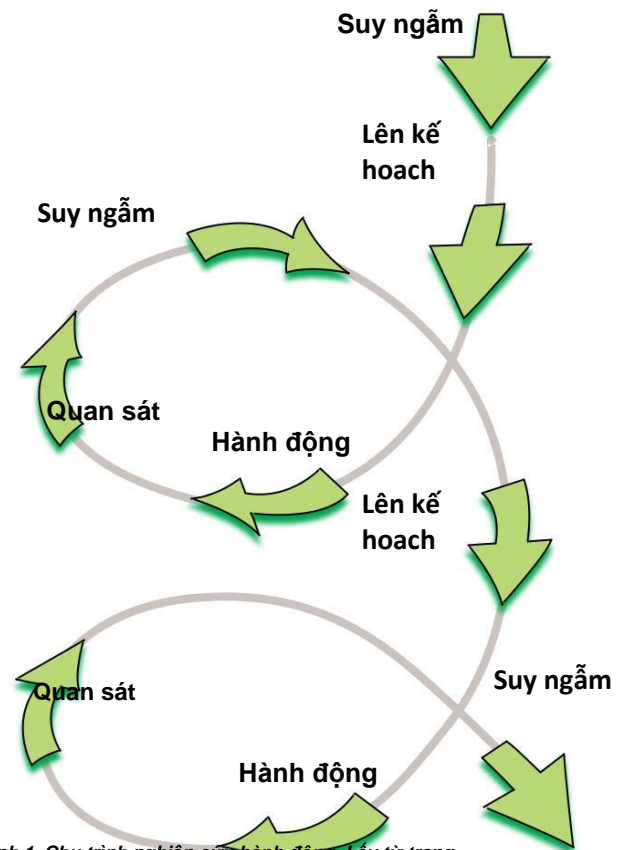
Một nhóm các chuyên viên tốt nghiệp Âm ngữ trị liệu đầu tiên của Việt Nam và tác giả chính – một nhà Âm ngữ trị liệu người Úc, đang tham gia vào một dự án đồng nghiên cứu khảo sát thực về sự hình thành ngành Âm ngữ trị liệu tại Việt Nam. Bài báo sẽ cho biết chi tiết các giai đoạn đầu tiên của chương trình nghiên cứu mang tính hợp tác này. Các mô tả phương pháp nghiên cứu và tính cấp thiết của đề tài về sử dụng các nghiên cứu hành động tham gia cũng sẽ được trình bày. Điều đầu tiên rút ra được từ nghiên cứu, bao gồm vai trò quan trọng của phiên dịch viên, những thách thức trong việc xây dựng những hiểu biết chung về hợp tác trong nghiên cứu, và những tác động của khoảng cách không gian và công nghệ sẽ được trình bày. Bối cảnh của Âm ngữ trị liệu từ các quốc gia đã phát triển đặt ra câu hỏi cho các chuyên viên Âm ngữ trị liệu rằng làm thế nào họ có thể phát triển quan hệ đối tác với các đồng nghiệp quốc tế để hỗ trợ sự khởi xướng các hợp tác nhằm đẩy mạnh thực hành ngành Âm ngữ trị liệu ở những cộng đồng chưa được phục vụ y tế đúng mức.

Nghiên cứu hành động tham gia (PAR) là một thuật ngữ chung cho một nhóm đồng nhất các thực hành nghiên cứu mà trong đó các nhà nghiên cứu và "yếu tố được nghiên cứu" làm việc với nhau để xem xét một tình huống (hoặc vấn đề) và xác định chiến lược và hành động để thay đổi tình hình cho tốt hơn (theo Kemmis, McTaggart & Nixon năm 2013; Kingdon, Pain & Kesby, 2007). PAR được phân vào loại nghiên cứu hành động, một phương pháp tiếp cận của Kurt Lewin, nhà xã hội học, người đã chứng minh lợi ích khi cho người lao động tham gia vào một nghiên cứu mà nghiên cứu đó sẽ tạo ra quyết định ảnh hưởng đến công việc của họ (Lewin, năm 1946, trích dẫn trong Adelman, 1993). Trong nửa sau của thế kỷ XX, nhà giáo dục người Brazil Paulo Freire tiếp tục phát triển các khái niệm về sự tham gia và hợp tác nghiên cứu bằng cách cho rằng thông qua việc tham gia vào các quyết định liên quan đến cuộc sống của mình, tất cả mọi người, bất kể mức độ bị bần cùng hóa hoặc áp bức về quyền lực, vẫn có thể được trao quyền để thực hiện thay đổi, tạo ra nhiều điều tốt hơn trong cuộc sống (Friere, 1970). Luận điểm sắc bén của Friere là giá trị của việc thực hiện nghiên cứu cùng với (chứ không phải trên) con người như một phương tiện để tạo ra và chia sẻ tri thức và phát triển những hiểu biết mới vào thực tiễn, vào trường hợp cụ thể, và các quá trình có thể được cải thiện (Chaiklin, 2011).

PAR thường được coi là một phương pháp luận độc lập hơn là một tập hợp các phương pháp nghiên cứu (Liamputtong, 2008). Thông qua các chu kỳ có sự tác động lẫn nhau của việc suy ngẫm, lên kế hoạch, tham gia vào hành động, và phản ánh trên các kết quả / hậu quả của các hành động được thực hiện (Hình 1), các nhà nghiên cứu và những người bị ảnh hưởng bởi một vấn đề, phát triển những hiểu biết mới về vấn đề và tìm cách tốt nhất có thể để giải quyết vấn đề. Những phát hiện mới từ mỗi chu kỳ của xoắn ốc hành động được đưa vào chu kỳ tiếp theo, với mục tiêu tổng thể là việc xác định các hành động có ảnh hưởng đến thay đổi thực tế tích cực trong quan hệ với các vấn đề đang được quan tâm (Kemmis và những người khác, 2013).



Marie Atherton (ảnh trên), Bronwyn Davidson (ảnh giữa), and Lindy McAllister



Hình 1. Chu trình nghiên cứu hành động. Lấy từ trang <http://cei.ust.hk/teaching-resources/action-research>. Bản quyền 2010–2016, bởi Centre for Education Innovation, HKUST. Reprinted with permission.

PAR đã được sử dụng trong nhiều hoàn cảnh bao gồm phát triển con người, giáo dục, thay đổi tổ chức, và y tế (Kapoor & Jordan, 2009; Koch & Kralik, 2009). Nó cũng đã được sử dụng rộng rãi trong bối cảnh đa văn hóa (Evans, Hole, Berg, Hutchinson, & Sookraj, 2009; Kramer-Roy, 2015; Pavlish, 2005). Các tiện ích của PAR để thực hành Âm ngữ trị liệu (SLP) cũng đã được mô tả (Hersh, 2014; Hinckley, Boyle, Lombard, và Bartels-Tobin, 2014). Westby và Hwa-Froelich (2003) đã làm nổi bật sự liên quan của PAR đến sự phát triển của các chương trình và dịch vụ SLP phù hợp với văn hóa và hoàn cảnh cụ thể ở những quốc gia thuộc Đại thế giới¹, và đưa ra các khuyến nghị cho việc thực hiện PAR trong bối cảnh quốc tế. Trong một thăm dò về tình bạn và những trải nghiệm của những người bị chứng mất ngôn ngữ, PAR đã hỗ trợ sự phát triển của các công cụ để trợ giúp người bị chứng mất ngôn ngữ trao đổi về tình bạn (Pound, 2013). Các tiện ích của hợp tác nghiên cứu cũng đã được mô tả trong mối quan hệ với việc chăm sóc người có vấn đề giao tiếp do mất trí nhớ (Müller & Guendouzi, 2009).

Việc sử dụng các nghiên cứu hành động tham gia trong các nghiên cứu hiện tại

Bài viết này mô tả các ứng dụng và đánh giá PAR như một phương pháp để khảo sát thực tiễn của ngành SLP đang hình thành ở Việt Nam. Trước đây ở Việt Nam, PAR đã kiểm tra một loạt các vấn đề xã hội và cộng đồng bao gồm cả sự kỳ thị người nhiễm HIV, bạo lực giới tính, nhu cầu phát triển chuyên môn của các y tá cùng y tế công cộng và dịch vụ xã hội ở nông thôn Việt Nam (Gaudine, Gien, Thuận, & Dũng, 2009; Gien và những người khác 2007). Trong phạm vi hiểu biết của các tác giả, đây là báo cáo đầu tiên mô tả PAR trong bối cảnh của ngành SLP tại Việt Nam.

Trong tháng 9 năm 2012, 18 sinh viên Việt Nam là cử nhân các ngành nghề liên quan sức khỏe (ví dụ, vật lý trị liệu, y học, điều dưỡng) đã tốt nghiệp chương trình đào tạo Âm ngữ trị liệu sau đại học kéo dài hai năm tại trường Đại học Y Phạm Ngọc Thạch (PNTU), thành phố Hồ Chí Minh Thành phố (TP.HCM), Việt Nam, từ đó trở thành những chuyên viên Âm ngữ trị liệu đầu tiên của Việt Nam được đào tạo tại địa phương có đủ điều kiện để làm việc xuyên suốt tất cả các phạm vi của thực hành SLP². Tác giả chính cũng chính là điều phối viên của chương trình Âm ngữ trị liệu năm 2010-2012 tại Đại học Y Phạm Ngọc Thạch, đã tạm trú tại TP HCM. Sau khi trở về Úc, bà vẫn giữ liên lạc với các học viên đã tốt nghiệp và nhận thấy việc tiến hành các nghiên cứu là một phương tiện hỗ trợ thực hành của họ. Tác giả chính chương trình đã nhận thức được một sự chênh lệch về quyền lực giữa bản thân bà và những học viên tốt nghiệp SLP của PNTU, và tiềm năng điều này ảnh hưởng đến tính xác thực của kết quả nghiên cứu (Atherton, Davidson, & McAllister, 2016). Như vậy, sự tham gia tích cực của các học viên đã tốt nghiệp trong nghiên cứu được coi là rất quan trọng để nâng cao tính xác thực của thu thập dữ liệu và phân tích (Gaillard, 1994). Tham gia vào PAR sẽ tạo ra cơ hội cho "tiếng nói" (Maguire, 2001) của những học viên tốt nghiệp SLP được lắng nghe, để các nghiên cứu được dẫn dắt bởi những kinh nghiệm và ưu tiên của họ chứ không phải là bởi những ước đoán ban đầu mà tác giả chính có thể có về bối cảnh công việc của họ. Hơn nữa, sự tham gia của tác giả chính và học viên tốt nghiệp với tư cách đồng nghiên cứu sẽ hỗ trợ nhau cùng phát triển các kỹ năng nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu. Cũng có kì vọng rằng cơ hội sẽ được tạo ra giữa các nhà nghiên cứu và học viên tốt nghiệp cho những hợp tác nghiên cứu trong tương lai.

Bối cảnh của nghiên cứu

Sáng kiến hợp tác nghiên cứu này là một phần của một chương trình nghiên cứu tiến sĩ mở rộng được thực hiện bởi tác giả chính trong khảo sát thực hành của các trường đại học tại Việt Nam về SPL. Mục đích của bài báo không

phải là để cụ thể hóa sự hình thành SPL tại Việt Nam (thông tin thêm xem tại Atherton và đồng sự, 2016; Atherton, Dung, & Nhân, 2013; McAllister et al., 2013). Thay vào đó, giai đoạn này trong chương trình nghiên cứu tiến sĩ của tác giả chính tìm cách để: (a) xác định bản chất thực hành chuyên môn của học viên tốt nghiệp SLP 24 tháng sau khi tốt nghiệp (được báo cáo trong một bài báo khác), và (b) giới thiệu các PAR như một phương tiện để xác định những rào cản nhận thức cho công việc của học viên tốt nghiệp. Có thể cho rằng hoàn tất giai đoạn này của chương trình nghiên cứu sẽ cho biết các chu trình của hợp tác nghiên cứu trong tương lai trong đó con đường để giải quyết các rào cản nhận thức với thực hành của sinh viên tốt nghiệp có thể được thử nghiệm.

Người tham dự

Nhận thức được những học viên Việt Nam là nơi tốt nhất để mô tả bối cảnh mà họ làm việc và xác định các yếu tố tác động đến thực hành của họ, tác giả chính đã đến TP Hồ Chí Minh, Việt Nam trong tháng 6/2014 để thành lập một "Nhóm tư vấn" (sau này đổi tên "Nhóm nghiên cứu tham gia" [PRG]) gồm các sinh viên tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo SLP PNTU 2010-12 đến tư vấn cho các chương trình nghiên cứu tiến sĩ trong vòng 24-30 tháng. Nhóm tư vấn trước đây đã được mô tả là làm tăng cường tính xác thực và hợp lệ của kiến thức do nghiên cứu tạo ra và nâng cao tầm quan trọng của kết quả nghiên cứu (Pound, 2013). Những người quan tâm được tìm kiếm từ 18 học viên tốt nghiệp SLP để tham gia vào các cuộc phỏng vấn cá nhân với tác giả chính và tham gia làm thành viên của PRG. Đạo đức nghiên cứu của nghiên cứu này đã được thông qua bởi Ủy ban khoa học xã hội, hành vi và Đạo đức, Trường đại học Melbourne.

8 trong số 18 sinh viên tốt nghiệp đồng ý tham gia vào nghiên cứu. Tất cả tám thành viên PRG sống và làm việc tại TP.HCM, và là điển hình của học viên tốt nghiệp trong SLP niên khóa 2010-2012 - họ làm việc chủ yếu trong hệ thống y tế cộng đồng chăm sóc sức khỏe ban đầu (một thành viên PRG hoạt động trong lĩnh vực với người khuyết tật). Các dạng bệnh rất đa dạng gồm có cả người lớn và trẻ em với các khuyết tật nuốt và giao tiếp.

Kết quả của hợp tác


Ba "chu kỳ" của hợp tác nghiên cứu được hoàn thành vào năm 2014 (xem Bảng 1) trong lúc các thành viên PRG tham gia suy ngẫm việc thực hành chuyên môn hiện tại của họ và bắt đầu lập kế hoạch hành động để hỗ trợ công việc. Khái niệm nghiên cứu quan trọng như "suyngẫm", "hợp tác" và "tham gia" đã được thảo luận, các ưu tiên nghiên cứu ban đầu của PRG được xác định. Dữ liệu ở dạng âm thanh kĩ thuật số - ghi âm các cuộc phỏng vấn và các cuộc họp, bản dịch bằng tiếng Anh của các bản ghi âm và biên bản cuộc họp, email, thư tín, ghi chép hiện trường của tác giả chính và nhật ký phản ánh, suy ngẫm. Bút danh thay thế tên của những người tham gia và phiên dịch là một phương tiện tránh nhận dạng.

Ba chu kỳ trong giai đoạn này của chương trình nghiên cứu và những thách thức thực hiện PAR trong bối cảnh này sẽ được trình bày.

Chu kỳ 1. Thiết lập nền

Chu kỳ 1 gồm phỏng vấn cá nhân với tám người tham gia nghiên cứu và sự hình thành của PRG. Bà Mai, một thông dịch viên Việt Nam đã quen với những người tham gia và với kiến thức về thực hành SLP, cung cấp một bản tóm tắt những gì đã được nói (dịch nối tiếp, dịch xuôi) chứ không phải dịch từng từ một (dịch đồng thời, dịch song song), từ đó tránh được các gián đoạn có thể có trong cuộc đối thoại.

Bảng 1. Tóm tắt các chu kỳ nghiên cứu tham gia năm 2014

	Các chu kỳ nghiên cứu 2014	Các buổi họp	Nguồn dữ liệu	Trình bày
	1. 7/2014 Buổi họp trực tiếp tại TP.HCM, Vietnam	8 phỏng vấn bán cấu trúc cá nhân Họp triển khai nhóm PRG	Âm thanh kỹ thuật số âm - thu âm các cuộc phỏng vấn và các cuộc họp. Bản ghi các cuộc phỏng vấn cá nhân và các biên bản cuộc họp Liên lạc qua email Ghi chép hiện trường Nhật ký phản ánh, suy ngẫm	Các thành viên của PRG Nhà nghiên cứu chính Thông dịch viên có kinh nghiệm
	2. 7-10/2014 Họp trên Skype	5 cuộc họp của PRG qua Skype		
	3. 10-11/2014 Buổi họp trực tiếp tại TP.HCM, Vietnam	2 buổi họp của PRG		

**Hình 2. Buổi họp triển khai Nhóm nghiên cứu tham gia**

(Chen & Boore, 2010). Các cuộc phỏng vấn quan trọng vì nhiều lý do. Thứ nhất, sự phát triển các mối quan hệ, sự tin tưởng của nhà nghiên cứu chính, và cảm giác an toàn trong quá trình nghiên cứu được công nhận là rất quan trọng trong nghiên cứu, nhằm đạt được hợp tác thực sự (Hội đồng Phát triển Quốc tế của Úc năm 2016; Maiter, Simich, Jacobson, & Wise, 2008). Các cuộc phỏng vấn đem lại cơ hội cho các nhà nghiên cứu và những người tham gia để thiết lập lại mối quan hệ của họ. Thứ hai, để chuẩn bị cho hợp tác nghiên cứu đòi hỏi các nhà đồng nghiên cứu xây dựng hiểu biết về trọng tâm nghiên cứu đã được đề xuất, phương pháp luận, cam kết thời gian dự kiến, và thời gian biểu cho việc nghiên cứu (Kidd & Kral, 2005). Một lần nữa, các cuộc phỏng vấn trao cơ hội cho những người tham gia nghiên cứu để thảo luận về các vấn đề này trước khi cam kết tham gia nghiên cứu. Thứ ba, người ta cho rằng phân tích bản ghi phỏng vấn sẽ làm rõ các đặc điểm chủ yếu của các thực hành đang được phát triển của những người tham gia. Nội dung của các cuộc phỏng vấn cũng sẽ thu hút sự chú ý vào nhận thức của học viên tốt nghiệp về cơ hội và thách thức đối với thực hành của họ, cùng những ưu tiên chuyên môn trong 12 tháng tiếp theo. Thông tin này sẽ cho biết cuộc thảo luận ban đầu của PRG và đặt ra trọng tâm cho các nghiên cứu trong tương lai.

Cuộc họp triển khai PRG diễn vào ngày 04/07/2014 tại TP.HCM. Tám học viên tốt nghiệp SLP, bà Mai (phiên dịch viên) và tác giả chính đều có mặt. Tất cả các thành viên PRG đều đã đồng ý việc chụp ảnh và cho phép các bức ảnh được công bố (Hình 2).

Cuộc họp triển khai PRG đã cho phép tác giả chính và các thành viên PRG gặp nhau lần đầu tiên với tư cách là các nhà đồng nghiên cứu và bắt đầu các cuộc thảo luận dựa theo sự tham gia của PRG trong nghiên cứu. Mục tiêu tổng thể của chương trình nghiên cứu đã được mô tả, cũng như các giai đoạn và khung thời gian để hoàn thành. Thảo luận ban đầu cũng tập trung vào các phương pháp luận, bao gồm sự khác biệt giữa nghiên cứu định lượng và định tính, tính hợp tác và phương pháp PAR được đặt ở đâu trong mô hình định lượng định tính. Theo như lời ông Đức:

Thông thường khi làm nghiên cứu định lượng bạn thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, và sau đó ra kiến nghị cho giai đoạn tiếp theo. Nhưng tôi chưa từng thực hiện bất kỳ nghiên cứu định tính như thế này trước đây, vì vậy tôi muốn biết liệu nó có giống nhau ... ví dụ như các giai đoạn. Và bạn cũng làm điều đó trong các giai đoạn, nên khi bạn hoàn thành một giai đoạn bạn có kiến nghị ... và chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo?

Tác giả chính trình bày phương pháp luận PAR bao gồm một loạt các phương pháp nghiên cứu, từ đó trọng tâm của cuộc đàm thoại chuyển sang tính hợp pháp của nghiên cứu định tính: "Tôi không biết về các ngành nghề khác, nhưng trong lĩnh vực y tế thường thì người ta có thể không thích sử dụng nó, không thực sự muốn sử dụng định tính ... nhưng y tế cộng đồng định tính được chấp nhận" (Ông Đức).

PRG cũng tìm cách để giải quyết một số "vấn đề hậu cần" như việc lựa chọn một nhà lãnh đạo cho PRG, và thiết lập "quy tắc nền", bao gồm cả số lượng thành viên PRG cần thiết cho một đại biểu, cách để duy trì bảo mật các cuộc thảo luận nhóm, việc phân bổ ghi biên bản, và một quy tắc "tham gia":

Cần có một quy tắc như thế, [để tránh tình huống mà] một hoặc hai thành viên trong nhóm nói về ý kiến của họ; những người khác ngồi và lắng nghe im lặng, và khi cả nhóm đi đến một thỏa thuận thì có vẻ như các ý tưởng chỉ đến từ một hoặc hai thành viên. Vì thế, tôi nghĩ chúng ta nên có một quy tắc về sự tham gia rằng tất cả các thành viên tham dự cuộc họp, đều nên tham gia vào các cuộc thảo luận. (Ông An)

Tại kết luận cuộc họp, một đề xuất để tiến hành nghiên cứu thông qua gọi video trực tuyến (Skype) đã được chấp thuận - thành viên PRG rất muốn được thử nghiệm các phương án truyền thông tạo điều kiện tương tác nghe nhìn liên tục, phối hợp với tác giả chính trên đường bà trở lại với Úc.

Các cơ hội để thảo luận về các phương pháp nghiên cứu tạo điều kiện cho một số hiểu biết quan trọng. Tác giả

chính giả định rằng các thành viên PRG hoàn thành cử và sau đại học sẽ quen thuộc với cả hai phương pháp nghiên cứu định lượng và định tính. Đây không phải là trường hợp cá biệt, và nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tránh các giả định về các kỹ năng và kiến thức của đối tác nghiên cứu. Hơn nữa, cuộc thảo luận về các phương pháp đã thu hút sự chú ý vào tầm quan trọng của việc xem lại các khái niệm thông qua đối thoại nhóm, trong đó sự hiểu biết lẫn nhau có thể đạt được một cách tốt nhất.

Các vấn đề về quyền sở hữu và quyền tác giả trong tương lai của dự án cũng xuất hiện tại cuộc họp này, và cuộc họp sau của PRG. Tác giả chính hiểu rõ rằng bản chất hợp tác và có sự tham gia của các nghiên cứu tạo ra sức ép với quan niệm cho rằng một công trình nghiên cứu tiến sĩ là công việc độc lập, và do nêu ra vấn đề này để thảo luận với PRG. Hơn nữa, các thành viên PRG đã lên tiếng quan tâm đến quyền tác giả chung của các ấn phẩm có được từ nghiên cứu. Bournot-Trites và Belanger (2005) khuyến khích các vấn đề về thẩm quyền và quyền sở hữu của một nghiên cứu nên được giải quyết trước khi nghiên cứu, và như vậy, điều quan trọng là tác giả chính và PRG tham gia vào các cuộc đối thoại để giải quyết những vấn đề này.

Sự liên quan của việc hỗ trợ các quá trình của nhóm cũng được nhấn mạnh. Ngay cả ở giai đoạn đầu của việc nghiên cứu, tương tác nhóm và thực hành đã được phản ánh khía cạnh của sự hợp tác, và các thành viên PRG dồn sự tập trung vào các ưu tiên của họ, bao gồm cả việc phát triển, hỗ trợ liên kết và hoạt động nhóm. Một số tác giả đã mô tả ảnh hưởng của sự khác biệt văn hóa xã hội khi tương tác nhóm, xu hướng tham gia, và nhận thức về thời gian khi nghiên cứu đa văn hóa (Apentik & Parpart, 2006; Laverack & Brown, 2003). Như đã thảo luận bởi Liamputtong (2008), đối với các nghiên cứu có sự nhạy cảm trong mặt văn hóa "các nhà nghiên cứu phải có một sự hiểu biết thấu đáo và kiến thức về văn hóa, trong đó bao gồm kiến thức sâu rộng về xã hội, gia đình, văn hóa, tôn giáo, lịch sử và tình hình chính trị chung" (tr. 4), và phải làm việc tích cực và nhất quán để đảm bảo phong tục và chuẩn mực văn hóa được tôn trọng và được đưa vào chương trình nghiên cứu.

Chu kỳ 2. Hạn chế về khoảng cách

Chu kỳ thứ hai của nghiên cứu bắt đầu khi tác giả chính trở về Úc và bao gồm năm cuộc họp Skype mà tại đó các ưu tiên chuyên ngành của các thành viên PRG đã được khám phá. Để tham gia thông qua Skype, các thành viên PRG tìm địa điểm công cộng có kết nối internet, điển hình là các quán cà phê, mặc dù trong một lần trước đó, PRG đã có lần tập trung trong một phòng khách sạn

để làm tác giả chính bất ngờ! Trong khi được cho là để hỗ trợ giao tiếp nghe - nhìn giữa PRG và là tác giả chính, kết nối internet cho những cuộc họp này lại thường không ổn định, dẫn đến kết quả là hình ảnh và âm thanh chất lượng nghèo nàn, âm thanh bị trễ và mất tín hiệu. Hơn nữa, nhiều nhu cầu khác của các thành viên PRG dẫn đến việc một số thành viên không tham dự các cuộc họp và / hoặc bắt đầu các cuộc họp vào thời điểm muộn hơn kế hoạch (Bảng 2).

Dù có những thách thức, chu trình nghiên cứu này đã đạt được các kết quả quan trọng. Sau khi mở rộng và thỉnh thoảng cố vũ cho những thảo luận nhóm mà trong đó tác giả chính đóng vai trò là người hỗ trợ, trọng tâm ban đầu của nghiên cứu đã thống nhất:

Nhóm đã thảo luận và họ nghĩ rằng họ sẽ làm được ... phát triển chuyên môn là ưu tiên. Nhóm này đang suy nghĩ về những gì họ muốn làm để không ngừng phát triển nghề nghiệp ... có lẽ họ sẽ nghĩ về những điều mà họ có thể tự làm, hoặc [họ] có thể làm tại Việt Nam để phát triển nghề nghiệp, phát triển chuyên môn của họ, ... và họ cũng sẽ nhận diện những điều họ có thể cần giúp đỡ [với] từ Úc hoặc từ các tổ chức khác..

(Bà Mai tóm tắt)

Phương pháp và hành động để thẩm định vấn đề này cũng đã được thảo luận:

Có lẽ chúng ta sẽ gửi một bảng khảo sát gửi đến cả hai nhóm [sinh viên tốt nghiệp SLP PNTU 2012 và 2014] để hỏi họ 4-5 câu về những gì họ cảm thấy thoải mái và không thoải mái khi làm việc nhằm tìm ra điểm mạnh và điểm yếu của từng học viên đã tốt nghiệp làm việc trong lĩnh vực Âm ngữ trị liệu. (Bà Giang)

Học viên đã tốt nghiệp có nhưng khả năng nào để đánh giá và điều trị bệnh nhân? Điều này có thể được tìm ra bằng cách phỏng vấn học viên về khối lượng công việc của họ - những gì họ nghĩ về công việc của họ, những gì họ cảm thấy thoải mái, lĩnh vực nào mà họ không tự tin? Khi chúng tôi phỏng vấn các học viên của cả 2 nhóm chúng tôi sẽ tìm ra những thách thức với họ khi hành nghề. (Bà Bích)

Mọi người cũng đồng ý rằng vì các kết nối Internet không ổn định, liên lạc qua email sẽ được sử dụng nhiều hơn để hỗ trợ thông tin liên lạc giữa các thành viên PRG và tác giả chính. Các thành viên của PRG cũng chỉ ra rằng vì có công việc được giao và các nghĩa vụ khác,

Bảng 2. Tóm tắt các cuộc họp Skype 2014

Các cuộc họp Skype 2014	Số PRG thành viên có mặt / 8	Thời lượng cuộc họp	Ghi chú
1	6	70 phút	Kết nối internet khá tốt, hình ảnh và âm thanh liên tục; một thành viên PRG đến chậm.
2	6	90 phút	Kết nối internet khá tốt, hình ảnh và âm thanh liên tục; hai thành viên PRG đến chậm.
3	6	60 phút	Mất kết nối Skype nhiều lần - Tin nhắn nhanh được sử dụng trong những lúc này; ba thành viên PRG đến chậm.
4	5	30 phút	Kết nối internet kém - Nhắn tin nhanh qua Skype
5	6	20 phút	Kết nối internet kém - Nhắn tin nhanh qua Skype; hai thành viên PRG đến chậm

liên lạc qua email sẽ giúp cho việc tham gia của họ linh động hơn.

Đà làm việc cho việc nghiên cứu đã chậm lại vào thời điểm này. Thông tin liên lạc email rời rạc và nhu cầu cho tất cả các thông tin được phiên dịch đã ảnh hưởng đến tần số liên lạc. Thành viên PRG cho biết khối lượng công việc ngày càng tăng của họ và những yêu cầu khác liên quan đến vai trò là "người tiên phong" của họ trong ngành SLP (ví dụ, đào tạo cán bộ trong SLP) đã ảnh hưởng đến khả năng tham gia vào nghiên cứu của họ. Ít nhất có một thành viên của PRG bắt đầu cung cấp dịch vụ SLP trong một phòng khám tư nhân ngoài giờ làm việc chính thức.

Một vấn đề nữa phát sinh là sự xuất hiện của thông dịch viên mới là bà Trần để thay cho bà Mai. Ghi chú từ nhật ký suy ngẫm của tác giả chính đã làm nổi bật những quan tâm của tác giả chính về việc làm thế nào để tác động đến nghiên cứu, không chỉ về mặt chất lượng của phiên/biên dịch, mà còn liên quan đến sự năng động, tính tương tác và hợp tác của nhóm (hình 3).

Hình 3. Ghi chép từ nhật ký suy ngẫm của tác giả chính

Tôi băn khoăn liệu sự xuất hiện của bà Trần trong nghiên cứu sẽ diễn ra như thế nào vào tối nay. Bà Mai là một phần của nghiên cứu từ khi thành lập và đã quen với các PRG cùng kế hoạch nghiên cứu, do đó giới thiệu một người nào đó mới có thể thay đổi động lực?? tác động vào sự hợp tác

Một lưu ý tích cực - Bà Trần đã tiến hành dịch các tài liệu cho các cuộc họp của PRG ... nên hy vọng là một sự hiểu biết về phương pháp luận và các khái niệm – đã được mang lại.

Tôi cũng đang tự hỏi liệu những khó khăn với kết nối internet có thể ngăn cản bà Mai Trần mong muốn được tham gia vào nghiên cứu hay không.
(Ngày 18 tháng 9 2014)

Việc sử dụng Skype cho sự hợp tác trong thời gian thực đã được coi là một phương tiện lý tưởng qua đó bản chất hoạt động và có sự tham gia của nghiên cứu có thể được củng cố. Tuy nhiên, lên kế hoạch chi tiết, bao gồm cả việc xem xét "một kế hoạch thứ hai khi có bất trắc", đã được chứng minh là cần thiết khi tìm cách kết hợp công nghệ như Skype trong điều kiện kết nối internet không ổn định. Ngoài ra, yêu cầu phát sinh từ vai trò "người tiên phong" trong ngành của các thành viên PRG và từ khối lượng công việc ngày càng nhiều, bao gồm cả việc mở rộng chuyên môn vào khu vực tư nhân, đều là đáng chú ý và đã không được dự đoán trước. Các "hạn chế về khoảng cách" chưa bao giờ rõ ràng hơn thế trong chu kỳ này của nghiên cứu, và tạo điều kiện cho những bài học quan trọng liên quan đến các tác động của công nghệ, về hồ sơ dữ liệu trong ngành ngày càng tăng tại Việt Nam, và về ảnh hưởng của bối cảnh địa phương đến nghiên cứu.

Chu kỳ 3. Xem xét lại hợp tác

Chu kỳ thứ ba của hợp tác nghiên cứu được thực hiện thông qua hai cuộc họp trực tiếp giữa tác giả chính và PRG tại TP.HCM vào tháng 10-11/ 2014. Những cuộc họp này đều quan trọng trong việc tái thiết đối thoại mở và kéo dài liên quan đến việc nghiên cứu và hỗ trợ việc tái tham gia của các thành viên PRG không duy trì thông tin liên lạc qua email trước đó. Các cuộc họp trực tiếp cũng mang lại cơ hội cho các tác giả chính và thông dịch viên mới được gặp mặt lẫn nhau.

Xem xét lại các khái niệm nghiên cứu chính về "suy ngẫm" và "hợp tác" cũng là một kết quả quan trọng từ chu kỳ này của nghiên cứu. Đoạn trích dưới đây được lấy từ

bản dịch tiếng Anh của một cuộc họp mà tại đó khái niệm chính của "sự suy ngẫm" đã được tìm ra:

Trong nghiên cứu, "reflect" có nghĩa là suy nghĩ về những thực hành của bạn với tư cách là chuyên viên Ngữ âm trị liệu³, và về các vấn đề chính bạn có thể muốn tìm hiểu thêm sau này. Bà Trần, trong tiếng Việt, bà dịch "reflect" như thế nào?' (Tác giả chính).

[Bà Trần trao đổi với các thành viên PRG]
*Tôi đưa ra cho nhóm một bản dịch mà tôi nghĩ rằng nó bao hàm khá trọn vẹn các ý của "reflect" và tôi đang hỏi họ nghĩ như thế nào. (Bà Trần)
Nó tương tự như "suy ngẫm" trong tiếng Anh (Bà Bích)*

*Nó có nghĩa là nó giống như một quá trình suy nghĩ lại, và sau đó nói ra những gì bạn nghĩ. (Bà Giang)
[Thảo luận sâu hơn giữa các thành viên PRG]
Họ đang nói rằng đó không phải là một bản dịch trực tiếp cho "reflect". Nó là một việc làm rất phổ biến ở phương Tây. Trở lại khi họ đang tham gia khóa học [Chương trình đào tạo SLP PNTU], các giáo viên, giảng viên cũng liên tục yêu cầu họ reflect mỗi khi họ viết báo cáo, mỗi lần họ nói điều gì đó. Bản dịch tôi đã đưa ra chưa thực sự bao hàm toàn bộ ý nghĩa của nó. (Bà Trần)*

Thảo luận về các khía cạnh kỹ thuật hoặc sự phức tạp của dịch thuật trong nghiên cứu đa văn hóa không nằm trong phạm vi của bài viết này (thông tin thêm xem tại Squires, 2009; Temple & Young, năm 2004; Wong & Poon, 2010). Tuy nhiên, dành ra thời gian để xem xét lại khái niệm nghiên cứu quan trọng chứng minh tầm quan trọng để nâng cao các sự hiểu biết của các nhà nghiên cứu, các thành viên của PRG và các thông dịch viên về ảnh hưởng của ngôn ngữ và văn hóa khi nghiên cứu. Cụ thể, trong những cuộc thảo luận này những giả định của tác giả chính về các khái niệm tương đương giữa các ngôn ngữ đã bị phản biện. Các khái niệm về "suy ngẫm" và "hợp tác" đã được xác định bởi các thông dịch viên và PRG là có ý nghĩa khác nhau trong tiếng Anh và tiếng Việt. Hơn nữa, ngay khi các thông dịch viên và các thành viên của PRG đều là người Việt, diễn giải cá nhân của họ về những khái niệm này là khác nhau. Caretta (2015) và Turner (2010) chú ý đến vấn đề này, và cho rằng giới tính, kinh nghiệm cá nhân, ảnh hưởng văn hóa, định kiến, và hệ tín ngưỡng của những người tham gia nghiên cứu sẽ ảnh hưởng đến ý nghĩa dự đoán của một khái niệm, cách cá nhân giải thích ý nghĩa của một khái niệm, và làm thế nào ý nghĩa này được truyền đạt. Những hiểu biết đó nhấn mạnh mức độ quan trọng của việc tất cả các thành viên của nhóm nghiên cứu tham gia vào các cuộc đối thoại như một phương tiện thuận lợi cho sự hiểu biết lẫn nhau về nguyên tắc nghiên cứu, các khái niệm và mục tiêu.

Chu kỳ 3 trong nghiên cứu cũng đem lại cơ hội xem xét để làm thế nào các nghiên cứu có thể tiến triển trong tương lai. Đoạn trích dưới đây, lấy bản dịch tiếng Anh của một bản ghi trong những cuộc họp, nhấn mạnh sự băn khoăn các thành viên PRG về định hướng tương lai và các kết quả dự đoán của nghiên cứu:

Mục tiêu cần đạt được của dự án là gì? Chúng ta biết rằng chúng ta muốn xác định những điều cần thiết trong việc phát triển chuyên môn của mình nhưng còn có mục tiêu nào khác không? (Bà Bích)

Khi chúng ta làm dự án này, làm thế nào để đo lường sự thành công của nó? (Ông Jach)

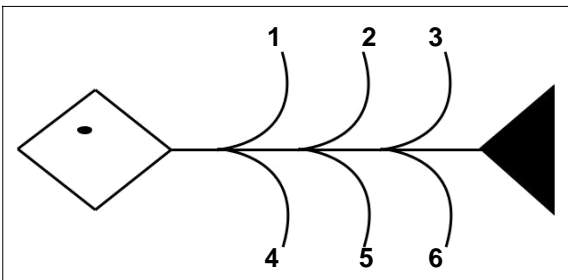
PAR đã được mô tả như là một "quá trình hỗn độn" (Primavera & Brodsky, 2004), đòi hỏi người tham gia không chỉ tiến hành nghiên cứu, mà còn phải học hỏi từ nó và thích ứng với nó khi triển khai. Các cuộc họp trực tiếp là một phương tiện để giải quyết một trong số các rủi ro này, nhằm mục đích hỗ trợ các thành viên PRG trở nên thoải mái hơn với "sự hỗn độn". Tại một trong những cuộc họp này, các PRG phát triển những trình bày của riêng của họ về quá trình nghiên cứu này, quá trình mà theo họ mô tả là "Bộ xương cá" (hình 4):

Như vậy, nó [nghiên cứu] giống như xương cá, một bộ xương cá. Có những vấn đề khác nhau và lý do khác nhau ... chúng là những cái xương cá. Cái đầu tiên là tình trạng quá tải [trong công việc], thiếu kiến thức [để cập đến cá xương thứ hai]. Có rất nhiều vấn đề và nhiều lý do, chúng ta sẽ nhìn vào đó để ưu tiên giải quyết cái nào trước, và sau đó chúng ta tìm ra giải pháp. Và giải pháp nào sẽ giải quyết số một, số hai, số ba ... (Bà Trần tóm tắt)

Vậy thì bạn có thể đi đến một giải pháp cho một vấn đề và thử xem nó hoạt động hay không? (Tác giả chính)

[Thảo luận giữa các thành viên PRG]

Vâng. Như thế, họ [PRG] nghĩ rằng "tham gia" định nghĩa rất tốt những gì họ đang làm. Bởi vì họ đang tham gia, họ là những người đưa ra cái này và cái kia, và cái kia nữa [đề cập đến con số của các xương cá], lựa chọn các ưu tiên và đưa ra giải pháp. Và bạn chỉ là đang hỗ trợ họ. (Bà Trần tổng kết)



Hình 4. Bộ xương cá

Trong các cuộc thảo luận tên gọi của PRG đã được nêu lên. Tác giả chính trước đó đã đề xuất rằng PRG được gọi là "Nhóm tư vấn". Tuy nhiên nhóm chỉ ra rằng đây không phải là một thuật ngữ thích hợp. Theo tổng kết của Bà Trần:

Về nghiên cứu, "nhóm tư vấn" là cái gì đó không tồn tại trong nghiên cứu ở Việt Nam. Nếu bạn dịch nghĩa đen của nhóm tư vấn, điều này có nghĩa là mọi người đều cao hơn so với bạn, nói cho bạn / tư vấn cho bạn làm những gì, vì vậy nó không đúng lắm trong bối cảnh Việt Nam. Họ [các thành viên PRG] nói rằng họ là một phần của nghiên cứu, họ đang tham gia. Vì vậy, mô tả này làm rất tốt vai trò của nó.

Thuật ngữ "tham gia" đã được chấp thuận và thuật ngữ Nhóm nghiên cứu sự tham gia (PRG) được sử dụng. Một kết quả quan trọng từ chu kỳ này của nghiên cứu là cuộc thảo luận liên quan đến vấn đề đạo đức trong nghiên cứu quốc tế (thông tin chi tiết liên quan đến cân nhắc đạo đức trong nghiên cứu quốc tế, xem Hội đồng Phát triển Quốc tế Úc, 2016). Một số thành viên PRG báo cáo giám đốc nơi làm việc của họ đã yêu cầu thông tin về vai trò của các thành viên PRG trong nghiên cứu

Thành viên PRG mong muốn sự đảm bảo từ các tác giả chính là nơi làm việc của họ sẽ không được nêu tên trong các nghiên cứu, hoặc nghiên cứu đòi hỏi sự tham gia của các khách hàng đang sử dụng dịch vụ của họ. Tầm quan trọng của việc duy trì tính bảo mật của những người tham gia nghiên cứu và những thảo luận với những người tham gia nghiên cứu về cách mà việc tham gia của họ trong nghiên cứu có thể ảnh hưởng đến người khác được nhấn mạnh ở đây. Hơn nữa, trong bối cảnh quốc tế, ngôn ngữ và văn hóa khác nhau có khả năng tác động hiểu biết về đề cương nghiên cứu và kết quả thậm chí khi nó được trình bày bằng ngôn ngữ chính của học viên (Brydon, 2006). Một vai trò quan trọng đối với các PRG đã được nhấn mạnh ở đây là các thành viên dẫn dắt các tác giả chính qua các quá trình tiến hành để đảm bảo sự thực hiện của nghiên cứu

Phản kết luận

Bài viết này đã mô tả ba chu kỳ của một giai đoạn của một dự án đa văn hóa, trong đó phương pháp nghiên cứu có sự tham gia đang được sử dụng để hỗ trợ nghiên cứu quốc tế trong bối cảnh các nước đang phát triển. Các cuộc phỏng vấn diễn ra 124 tháng sau tốt nghiệp để xác định bản chất thực hành chuyên môn của học viên tốt nghiệp, một PRG được thành lập để hướng dẫn các nghiên cứu trong tương lai, một thám dò về các vấn đề chuyên môn PRG mong muốn điều tra sau này đã được bắt đầu. Sự tham gia của các học viên tốt nghiệp SLP và là tác giả chính với tư cách là các nhà đồng nghiệp tạo điều kiện học hỏi lẫn nhau. Vai trò quan trọng của người phiên dịch như một thành viên của nhóm nghiên cứu, tầm quan trọng của cuộc thảo luận lập đi lập lại các khái niệm để làm rõ sự cách hiểu, và tác động của công nghệ và bối cảnh địa phương khi giao tiếp và hợp tác đã được xác định. Tầm quan trọng của việc thiết lập các giao tiếp cởi mở đã được nhấn mạnh trong cuộc thảo luận về đạo đức và an toàn trong nghiên cứu. Các chuyên viên Âm ngữ trị liệu đang tìm kiếm hỗ trợ phát triển dịch vụ trong bối cảnh các nước đang phát triển và/hoặc chưa được cung cấp chăm sóc y tế đúng mực được khuyến khích để tra đổi quan hệ đối tác với các đồng nghiệp quốc tế hình thành từ sự hợp tác và củng cố việc học hỏi lẫn nhau, vì đó sẽ là những hoàn cảnh mà các sáng kiến có thể đáp ứng tốt nhất nhu cầu độc đáo của văn hóa và bối cảnh. Các chu kỳ tiếp theo trong nghiên cứu này đang phát triển; và, dự đoán sẽ tiếp tục điều tra về rào cản đối với việc hành nghề của SLP ở Việt Nam và kéo theo các hành động để hỗ trợ thực hành. Cơ hội cũng sẽ được dành cho thám dò liên tục của sự năng động của mỗi hợp tác giữa các thành viên của PRG và là tác giả chính trong một bối cảnh đa văn hóa.

Tuyên bố về lợi ích

Các tác giả báo cáo không có xung đột về lợi ích. Các tác giả xin chịu trách nhiệm về nội dung và việc viết báo cáo này.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin ghi nhận sự đóng góp của các nhóm nghiên cứu có sự tham gia vào nghiên cứu này. Sự đóng góp của Âm ngữ trị liệu Úc thông qua Quỹ hỗ trợ nghiên cứu cho học viên cao học năm 2014, và sự hỗ trợ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Mỹ Victoria, chùa Quang Minh, cũng được công nhận.

- 1 Các thuật ngữ "Tiểu thế giới" và "Đại thế giới" thường được sử dụng trong các tài liệu để thay thế các cụm từ như nước đã phát triển / nước kém phát triển, Bắc / Nam, nước thuộc thế giới thứ nhất/thứ ba, quốc gia công nghiệp / mới nổi.
- 2 Thêm 15 sinh viên tốt nghiệp năm 2014.
- 3 Ở Việt Nam, nghề SLP được gọi là Âm ngữ trị liệu

Tham khảo

- Adelman, C. (1993). Kurt Lewin and the origins of action research. *Educational Action Research*, 1(1), 7–24. doi:10.1080/0965079930010102
- Apentiik, C., & Parpart, J. (2006). Working in different cultures: Issues of race, ethnicity and identity. In D. Vandana & R. Potter (Eds.), *Doing development research* (pp. 34–43). London, UK: Sage.
- Australian Council for International Development. (2016). *Principles and guidelines for ethical research and evaluation in development*. Retrieved from https://acfid.asn.au/sites/site.acfid/files/resource_document/Principles-for-Ethical-Research-and-Evaluation-in-Development2016.pdf
- Atherton, M., Davidson, B., & McAllister, L. (2016). Exploring the emerging profession of speech-language pathology in Vietnam through pioneering eyes. *International Journal of Speech-Language Pathology*. Advance online publication. doi:10.3109/17549507.2016.1159335
- Atherton, M., Dung, N.T.N., & Nhân, V.H. (2013). The World Report on Disability in relation to the development of speech-language pathology in Viet Nam. *International Journal of Speech-Language Pathology*, 15(1), 42–47. doi:10.3109/17549507.2012.743034
- Bournot-Trites, M., & Belanger, J. (2005). Ethical dilemmas facing action researchers. *The Journal of Educational Thought*, 39(2), 197–215.
- Brydon, L. (2006). Ethical practices in doing development research. In D. Vandana, & R. Potter (Eds.), *Doing development research* (pp. 25–33). London, UK: Sage.
- Caretta, M. (2015). Situated knowledge in cross-language research: A collaborative reflexive analysis of researcher, assistant and participant subjectivities. *Qualitative Research*, 15(4), 489–505.
- Chaiklin, S. (2011). Social scientific research and societal practice: Action research and cultural-historical research in methodological light from Kurt Lewin and Lev S. Vygotsky. *Mind, Culture and Activity*, 18(2), 129–147. doi:10.1080/10749039.2010.513752
- Chen, H., & Boore, J. (2010). Translation and back-translation in qualitative nursing research: Methodological review. *Journal of Clinical Nursing*, 19(1–2), 234–239. doi:10.1111/j.1365-2702.2009.02896.x
- Evans, M., Hole, R., Berg, L. D., Hutchinson, P., & Sookraj, D. (2009). Common insights, differing methodologies: Toward a fusion of indigenous methodologies, participatory action research, and white studies in an urban aboriginal research agenda. *Qualitative Inquiry*, 15(5), 893–910.
- Friere, P. (1970). *Pedagogy of the oppressed*. New York, NY: Herder and Herder.
- Gaillard, J. F. (1994). North–south research partnership: Is collaboration possible between unequal partners? *Knowledge and Policy*, 7(2), 31–63.
- Gaudine, A., Gien, L., Thuan, T., & Dung, D. (2009). Developing culturally sensitive interventions for Vietnamese health issues: An action research approach. *Nursing and Health Sciences*, 11(2), 150–153.
- Gien, L., Taylor, S., Barter, K., Tiep, N., Mai, B.X., & Lan, N.T. (2007). Poverty reduction by improving health and social services in Vietnam. *Nursing and Health Sciences*, 9, 304–309
- Hersh, D. (2014). Participants, researchers and participatory research. *Tạp chí Thực hành lâm sàng ngành Âm ngữ trị liệu*, 16(3), 123–126.
- Hinckley, J., Boyle, E., Lombard, D., & Bartels-Tobin, L. (2014). Towards a consumer-informed research agenda for aphasia: Preliminary work. *Disability and Rehabilitation*, 36(12), 1042–1050. doi:10.3109/09638288.2013.829528
- Kapoor, D., & Jordan, S. (2009). *Education, participatory action research and social change*. New York, NY: Palgrave Macmillan.
- Kemmis, S., McTaggart, R., & Nixon, R. (2013). *The action research planner: Doing critical participatory action research*. Singapore: Springer Science & Business Media.
- Kidd, S., & Kral, M. (2005). Practicing participatory action research. *Journal of Counseling Psychology*, 52(2), 187–195.
- Kingdon, S., Pain, R., & Kesby, M. (2007). *Participatory action research approaches and methods. Connecting people, participation and place*. Abingdon-on-Thames, UK: Routledge.
- Koch, T., & Kralik, D. (2009). *Participatory action research in health care*. Oxford, UK: Blackwell Publishing Ltd.
- Kramer-Roy, D. (2015). Using participatory and creative methods to facilitate emancipatory research with people facing multiple disadvantage: A role for health and care professionals. *Disability & Society*, 30(8), 1207–1224. doi:10.1080/09687599.2015.1090955
- Laverack, G., & Brown, K. (2003). Qualitative research in a cross-cultural context: Fijian experiences. *Qualitative Health Research*, 13(3), 333–342. doi:10.1177/1049732302250129
- Liamputtong, P. (Ed.). (2008). *Doing cross-cultural research: Ethical and methodological perspectives*. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Maiter, S., Simich, L., Jacobson, N., & Wise, J. (2008). Reciprocity an ethic for community-based participatory action research. *Action Research*, 6(3), 305–325. doi:10.1177/1476750307083720
- Maguire, P. (2001). Uneven ground: Feminisms and action research. In P. Reason & H. Bradbury (Eds.), *Handbook of action research* (pp. 59–69). London, UK: Sage.
- McAllister, L., Woodward, S., Atherton, M., Dung, N., Potvin, C., Huynh, B.,...Khanh, D. (2013). Vietnam's first qualified speech therapists: The outcome of a collaborative international partnership. *Journal of Clinical Practice in Speech-Language Pathology*, 15(2), 75–79.
- Müller, N., & Guendouzi, J. (2009). Discourses of dementia: A call for an ethnographic, action research approach to care in linguistically and culturally diverse environments. *Seminars in Speech and Language*, 30(3), 198–206. doi:10.1055/s-0029-1225956
- Pavlish, C. (2005). Refugee women's health: Collaborative inquiry with refugee women in Rwanda. *Health Care for Women International*, 26(10), 880–896. doi:10.1080/07399330500301697
- Pound, C. (2013). *An exploration of the friendship experiences of working-age adults with aphasia*. (Unpublished doctoral dissertation). Brunel University, UK.
- Primavera, J., & Brodsky, A. (2004). Introduction to the special issue on the process of community research and action. *American Journal of Community Psychology*, 33(3), 177–179. doi:10.1023/b:ajcp.0000027213.18639.30
- Squires, A. (2009). Methodological challenges in cross-language qualitative research: A research review. *International Journal of Nursing Studies*, 46(2), 277–287. doi:10.1016/j.ijnurstu.2008.08.006

Temple, B., & Young, A. (2004). Qualitative research and translation dilemmas. *Qualitative Research, 4*(2), 161–178. doi:10.1177/1468794104044430

Turner, S. (2010). Research note. The silenced assistant: Reflections of invisible interpreters and research assistants. *Asia Pacific Viewpoint, 51*(2), 206–219.

Westby, C., & Hwa-Froelich, D. (2003). Considerations in participatory action research when working cross-culturally. *Folia Phoniatrica et Logopaedica, 55*(6), 300–305. doi:10.1159/000073253

Wong, J., & Poon, M. (2010). Bringing translation out of the shadows: Translation as an issue of methodological significance in cross-cultural qualitative research. *Journal of Transcultural Nursing, 21*(2), 151–158. doi:10.1177/1043659609357637

Marie Atherton completed this study as part of her PhD candidature at the University of Melbourne. Marie also lectures in speech pathology at the Australian Catholic University, Melbourne.

Bronwyn Davidson is associate professor of the Department of Speech Pathology at the University of Melbourne. **Lindy**

McAllister is professor and associate dean, work and integrated learning, at the University of Sydney.

Correspondence to:

Marie Atherton, PhD candidate

Department of Audiology and Speech

Pathology University of Melbourne

550 Swanston St, Carlton VIC

3052 phone: 03 9035-5333

email: matherton@student.unimelb.edu.au